TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THUẬN THÀNH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 21/2024/QĐST-DS	*Thuận Thành, ngày 14 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 38/2024/TLST- DS ngày 08 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1956.

Người đại diện theo uỷ quyền: Công ty L

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Chí D – Giám đốc

Người được uỷ quyền: Bà Nguyễn Minh N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số H đường L, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Khu phố B, phường H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

1. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Bà N1 uỷ quyền cho bà H1.

2. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn Lịch Sơn, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

3. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Khu phố Bến Hồ, phường Hồ, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

4. Anh Nguyễn Văn N2 (tức K), sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu phố B, phường H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh

5. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu phố B, phường H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh

Hiện đang thụ lý án tại Đội 30, phân trại 3, Trại giam N3, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Giao cho bà Nguyễn Thị T quản lý, sử dụng phần diện tích đất có diện tích 70m^2 (Hình 1;2;A1;A2;A;B;C;9). Phần đất có tứ cận: Phía Bắc giáp đường gồm các đoạn (1:2 dài 4,16m; 2:A1 dài 1,58m). Phía Đông giáp phần đất giao cho ông H đoạn A1:A2 dài 13,56m. Phía Nam giáp phần đất giao cho ông S và giáp phần đất hộ ông S gồm các đoạn (A2:A dài 2,08m; A:B dài 2,15m; B:C dài 3,10m). Phía Tây giáp đất nhà hộ ông S và thửa số 17 gồm các đoạn (C:9 dài 1,03m; 9:1 dài 10,99m) và sở hữu các tài sản trên đất.

2.2. Giao cho ông Nguyễn Văn S quản lý, sử dụng phần diện tích đất 51,8m^2 (Hình A;A2;D;E;5;6). Phần đất có tứ cận: Phía Bắc giáp phần đất giao cho ông H, bà T gồm các đoạn (E:D dài 7,06m; D:A2 dài 2,50m; A2;A dài 2,08m). Phía Đông giáp thửa đất số 95 đoạn E:5 dài 5,15m. Phía Nam giáp thửa đất số 74 gồm các đoạn (5:A3 dài 7,20m; A3:6 dài 1,49m). Phía Tây giáp đất hộ ông S đoạn 6:A dài 8,01m và sở hữu các tài sản trên đất.

2.3. Giao cho ông Nguyễn Văn H quản lý, sử dụng phần diện tích 101,9m^2 (Hình A1;3;4;A2';E;D;A2) Phần đất có tứ cận: Phía Bắc giáp đường đi gồm các đoạn (A1:3 dài 4,70m; 3:4 dài 2,49m). Phía Đông giáp thửa đất số 95 gồm các đoạn (4:8 dài 5,49m; 8:A2' dài 5,86m; A2':E dài 2,50m). Phía Nam giáp phần đất giao cho ông S đoạn E:D dài 7,06m. Phía Tây giáp phần đất giao cho ông S, bà T gồm các đoạn (D:A2 dài 2,50m; A2:A1 dài 13,56m) và sở hữu các tài sản trên phần đất diện tích 84,3m^2 (Hình A1;3;4;A2'A2). Ông S có trách nhiệm tháo dỡ phần lán lợp Pbroximang trả lại phần diện tích đất 17,6m^2 cho ông H (Hình A2;A2';E;D).

Ông H, bà T, ông S có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Có sơ đồ kèm theo)

2.4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi nên miễn toàn bộ tiền án phí dân s ự sơ thẩm.

Ông H là người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí nên không xem xét, giải quyết.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND TX Thuận Thành.
- THADS TX Thuận Thành.
- Các đương sự.
- Lưu HS VP.

THẨM PHÁN

Ngô Xuân Phong